

**DANH MỤC CỔ PHIẾU KÝ QUỸ (MARGIN)**

Ngày hiệu lực: 03/09/2019

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
1	AAA	50%	HSX
2	ABT	50%	HSX
3	ACC	40%	HSX
4	ACL	30%	HSX
5	ADS	45%	HSX
6	AGM	30%	HSX
7	ANV	40%	HSX
8	APG	30%	HSX
9	ASM	40%	HSX
10	ASP	35%	HSX
11	BBC	40%	HSX
12	BCE	40%	HSX
13	BFC	50%	HSX
14	BIC	45%	HSX
15	BID	50%	HSX
16	BMC	35%	HSX
17	BMI	40%	HSX
18	BMP	50%	HSX
19	BRC	35%	HSX
20	BSI	50%	HSX
21	BTT	40%	HSX
22	BVH	50%	HSX
23	BWE	30%	HSX
24	C32	50%	HSX
25	CAV	45%	HSX
26	CCI	30%	HSX
27	CCL	40%	HSX
28	CDC	30%	HSX
29	CII	50%	HSX
30	CLC	40%	HSX
31	CLL	50%	HSX
32	CMG	40%	HSX
33	CMV	30%	HSX
34	CNG	50%	HSX
35	COM	40%	HSX
36	CRC	20%	HSX
37	CRE	40%	HSX
38	CSM	50%	HSX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
39	CSV	50%	HSX
40	CTD	40%	HSX
41	CTF	30%	HSX
42	CTG	50%	HSX
43	CTI	40%	HSX
44	CTS	50%	HSX
45	CVT	40%	HSX
46	D2D	50%	HSX
47	DAT	30%	HSX
48	DCM	50%	HSX
49	DGW	50%	HSX
50	DHA	50%	HSX
51	DHC	45%	HSX
52	DHG	50%	HSX
53	DHM	30%	HSX
54	DIC	40%	HSX
55	DIG	50%	HSX
56	DLG	30%	HSX
57	DMC	50%	HSX
58	DPG	20%	HSX
59	DPM	50%	HSX
60	DPR	40%	HSX
61	DRC	50%	HSX
62	DRH	30%	HSX
63	DRL	30%	HSX
64	DSN	50%	HSX
65	DTT	30%	HSX
66	DVP	50%	HSX
67	DXG	50%	HSX
68	EMC	30%	HSX
69	EVE	40%	HSX
70	EVG	50%	HSX
71	FCM	40%	HSX
72	FCN	50%	HSX
73	FIT	50%	HSX
74	FLC	50%	HSX
75	FMC	40%	HSX
76	FPT	50%	HSX
77	FTS	50%	HSX
78	GAS	50%	HSX
79	GDT	40%	HSX
80	GEX	50%	HSX
81	GMC	50%	HSX
82	GMD	50%	HSX
83	GSP	40%	HSX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
84	GTA	35%	HSX
85	GTN	45%	HSX
86	HAH	50%	HSX
87	HAP	40%	HSX
88	HAR	40%	HSX
89	HAX	35%	HSX
90	HBC	50%	HSX
91	HCD	50%	HSX
92	HCM	50%	HSX
93	HDB	50%	HSX
94	HDC	40%	HSX
95	HHS	50%	HSX
96	HII	50%	HSX
97	HMC	30%	HSX
98	HOT	30%	HSX
99	HPG	50%	HSX
100	HQC	50%	HSX
101	HRC	35%	HSX
102	HSG	50%	HSX
103	HSL	20%	HSX
104	HT1	40%	HSX
105	HTI	40%	HSX
106	HTL	40%	HSX
107	HTV	45%	HSX
108	HU1	50%	HSX
109	HU3	50%	HSX
110	IBC	30%	HSX
111	IDI	40%	HSX
112	IJC	50%	HSX
113	IMP	50%	HSX
114	ITA	50%	HSX
115	ITD	40%	HSX
116	KBC	50%	HSX
117	KDH	40%	HSX
118	KMR	50%	HSX
119	KSB	45%	HSX
120	L10	40%	HSX
121	LBM	40%	HSX
122	LCG	45%	HSX
123	LDG	50%	HSX
124	LGC	40%	HSX
125	LGL	40%	HSX
126	LHG	45%	HSX
127	LIX	40%	HSX
128	LM8	40%	HSX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
129	MBB	50%	HSX
130	MDG	35%	HSX
131	MHC	40%	HSX
132	MSN	50%	HSX
133	MWG	50%	HSX
134	NAF	40%	HSX
135	NBB	40%	HSX
136	NKG	50%	HSX
137	NLG	50%	HSX
138	NNC	50%	HSX
139	NSC	50%	HSX
140	NT2	50%	HSX
141	NTL	50%	HSX
142	NVL	50%	HSX
143	OPC	50%	HSX
144	PAC	50%	HSX
145	PAN	50%	HSX
146	PC1	45%	HSX
147	PDN	45%	HSX
148	PDR	40%	HSX
149	PET	50%	HSX
150	PGC	50%	HSX
151	PGD	50%	HSX
152	PGI	45%	HSX
153	PHR	50%	HSX
154	PJT	40%	HSX
155	PLX	50%	HSX
156	PME	50%	HSX
157	PNJ	50%	HSX
158	PPC	50%	HSX
159	PTB	45%	HSX
160	PVT	50%	HSX
161	RAL	50%	HSX
162	REE	50%	HSX
163	ROS	25%	HSX
164	S4A	50%	HSX
165	SAB	50%	HSX
166	SAM	50%	HSX
167	SBA	40%	HSX
168	SBT	50%	HSX
169	SC5	40%	HSX
170	SCR	50%	HSX
171	SFG	45%	HSX
172	SFI	40%	HSX
173	SHA	40%	HSX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
174	SHI	40%	HSX
175	SHP	35%	HSX
176	SJD	40%	HSX
177	SJF	50%	HSX
178	SJS	40%	HSX
179	SMA	30%	HSX
180	SMC	40%	HSX
181	SPM	30%	HSX
182	SRC	45%	HSX
183	SSC	35%	HSX
184	SSI	50%	HSX
185	ST8	30%	HSX
186	STB	50%	HSX
187	STG	35%	HSX
188	STK	30%	HSX
189	SVC	40%	HSX
190	SVI	35%	HSX
191	SVT	30%	HSX
192	SZL	45%	HSX
193	TAC	40%	HSX
194	TBC	30%	HSX
195	TCB	30%	HSX
196	TCD	30%	HSX
197	TCH	50%	HSX
198	TCL	50%	HSX
199	TCM	50%	HSX
200	TCO	30%	HSX
201	TCT	45%	HSX
202	TDG	50%	HSX
203	TDH	50%	HSX
204	TDW	35%	HSX
205	TEG	40%	HSX
206	THG	45%	HSX
207	THI	50%	HSX
208	TIP	40%	HSX
209	TIX	35%	HSX
210	TLD	30%	HSX
211	TLG	45%	HSX
212	TLH	45%	HSX
213	TMP	40%	HSX
214	TMS	40%	HSX
215	TNA	45%	HSX
216	TNC	40%	HSX
217	TNI	30%	HSX
218	TPB	50%	HSX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
219	TPC	35%	HSX
220	TRA	50%	HSX
221	TRC	40%	HSX
222	TTB	40%	HSX
223	TV2	45%	HSX
224	TVS	50%	HSX
225	TYA	30%	HSX
226	UIC	45%	HSX
227	VAF	35%	HSX
228	VCB	50%	HSX
229	VCF	40%	HSX
230	VCI	50%	HSX
231	VDS	50%	HSX
232	VFG	45%	HSX
233	VGC	50%	HSX
234	VHC	50%	HSX
235	VHM	50%	HSX
236	VIC	50%	HSX
237	VID	50%	HSX
238	VJC	50%	HSX
239	VMD	45%	HSX
240	VND	50%	HSX
241	VNE	50%	HSX
242	VNG	35%	HSX
243	VNM	50%	HSX
244	VNS	45%	HSX
245	VPB	50%	HSX
246	VPG	20%	HSX
247	VPH	45%	HSX
248	VPI	30%	HSX
249	VPS	45%	HSX
250	VRC	40%	HSX
251	VRE	50%	HSX
252	VSC	50%	HSX
253	VSI	35%	HSX
254	VTB	40%	HSX
255	VTO	45%	HSX
256	ACB	50%	HNX
257	ADC	30%	HNX
258	ALT	30%	HNX
259	AME	30%	HNX
260	ARM	30%	HNX
261	BAX	50%	HNX
262	BBS	30%	HNX
263	BDB	20%	HNX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
264	BPC	50%	HNX
265	BSC	25%	HNX
266	BST	20%	HNX
267	BTS	40%	HNX
268	BVS	50%	HNX
269	BXH	25%	HNX
270	C69	50%	HNX
271	CAP	40%	HNX
272	CEO	50%	HNX
273	CIA	30%	HNX
274	CLH	40%	HNX
275	CLM	30%	HNX
276	CPC	40%	HNX
277	CSC	50%	HNX
278	CTB	20%	HNX
279	CTT	50%	HNX
280	CX8	20%	HNX
281	D11	30%	HNX
282	DAD	50%	HNX
283	DAE	40%	HNX
284	DBT	40%	HNX
285	DC4	30%	HNX
286	DGC	50%	HNX
287	DHP	40%	HNX
288	DHT	45%	HNX
289	DID	30%	HNX
290	DNC	40%	HNX
291	DNP	35%	HNX
292	DPC	30%	HNX
293	DS3	20%	HNX
294	DXP	40%	HNX
295	EBS	40%	HNX
296	ECI	30%	HNX
297	GLT	50%	HNX
298	GMX	30%	HNX
299	HAD	40%	HNX
300	HBS	30%	HNX
301	HCC	30%	HNX
302	HDA	50%	HNX
303	HEV	30%	HNX
304	HHC	50%	HNX
305	HHG	30%	HNX
306	HJS	40%	HNX
307	HLC	30%	HNX
308	HLD	45%	HNX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
309	HMH	50%	HNX
310	HOM	40%	HNX
311	HST	30%	HNX
312	HTC	35%	HNX
313	HTP	40%	HNX
314	HUT	50%	HNX
315	IDV	50%	HNX
316	INC	30%	HNX
317	INN	40%	HNX
318	ITQ	35%	HNX
319	KLF	50%	HNX
320	KMT	35%	HNX
321	KST	40%	HNX
322	KTS	40%	HNX
323	KVC	35%	HNX
324	L14	40%	HNX
325	L18	40%	HNX
326	L62	35%	HNX
327	LAS	50%	HNX
328	LBE	30%	HNX
329	LCD	30%	HNX
330	LHC	45%	HNX
331	LIG	35%	HNX
332	MAC	40%	HNX
333	MAS	50%	HNX
334	MBG	50%	HNX
335	MBS	50%	HNX
336	MCC	35%	HNX
337	MCF	40%	HNX
338	MCO	30%	HNX
339	MDC	35%	HNX
340	MST	35%	HNX
341	NAG	40%	HNX
342	NBC	35%	HNX
343	NBP	30%	HNX
344	NDN	50%	HNX
345	NET	50%	HNX
346	NFC	40%	HNX
347	NHA	50%	HNX
348	NHC	35%	HNX
349	NSH	30%	HNX
350	NTP	50%	HNX
351	NVB	50%	HNX
352	ONE	50%	HNX
353	PBP	50%	HNX



STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
354	PCE	35%	HNX
355	PDB	40%	HNX
356	PGS	50%	HNX
357	PIC	50%	HNX
358	PJC	40%	HNX
359	PLC	50%	HNX
360	PMB	35%	HNX
361	PMC	50%	HNX
362	PMS	35%	HNX
363	POT	30%	HNX
364	PPP	30%	HNX
365	PPS	30%	HNX
366	PPY	30%	HNX
367	PSC	30%	HNX
368	PSD	35%	HNX
369	PSE	30%	HNX
370	PSW	30%	HNX
371	PTI	40%	HNX
372	PTS	40%	HNX
373	PVG	50%	HNX
374	PVI	50%	HNX
375	PVS	50%	HNX
376	QTC	35%	HNX
377	RCL	45%	HNX
378	S55	35%	HNX
379	SAF	40%	HNX
380	SCI	30%	HNX
381	SD4	40%	HNX
382	SD5	40%	HNX
383	SD9	45%	HNX
384	SDC	30%	HNX
385	SDG	35%	HNX
386	SDN	35%	HNX
387	SDT	45%	HNX
388	SEB	35%	HNX
389	SED	50%	HNX
390	SFN	30%	HNX
391	SGC	30%	HNX
392	SGD	30%	HNX
393	SGH	30%	HNX
394	SHB	50%	HNX
395	SHN	40%	HNX
396	SHS	50%	HNX
397	SJ1	30%	HNX
398	SJE	50%	HNX

STT	Mã chứng khoán	Tỷ lệ cho vay	Sàn
399	SLS	30%	HNX
400	SMN	30%	HNX
401	STC	30%	HNX
402	TA9	35%	HNX
403	TBX	30%	HNX
404	TC6	35%	HNX
405	TCS	30%	HNX
406	TDN	30%	HNX
407	TET	50%	HNX
408	THS	30%	HNX
409	THT	30%	HNX
410	TIG	35%	HNX
411	TKU	35%	HNX
412	TMC	35%	HNX
413	TMX	30%	HNX
414	TNG	45%	HNX
415	TSB	35%	HNX
416	TTC	35%	HNX
417	TTH	40%	HNX
418	TTT	50%	HNX
419	TV3	35%	HNX
420	TV4	35%	HNX
421	TVC	35%	HNX
422	TVD	30%	HNX
423	VBC	40%	HNX
424	VC1	35%	HNX
425	VC3	40%	HNX
426	VC6	30%	HNX
427	VC7	35%	HNX
428	VCC	35%	HNX
429	VCG	50%	HNX
430	VCM	35%	HNX
431	VCS	45%	HNX
432	VDL	35%	HNX
433	VE3	30%	HNX
434	VE4	30%	HNX
435	VGS	50%	HNX
436	VHL	45%	HNX
437	VIT	45%	HNX
438	VIX	45%	HNX
439	VMC	35%	HNX
440	VMS	35%	HNX
441	VNC	45%	HNX
442	VNR	50%	HNX
443	VNT	40%	HNX

<b>STT</b>	<b>Mã chứng khoán</b>	<b>Tỷ lệ cho vay</b>	<b>Sàn</b>
444	VSA	45%	HNX
445	VTV	45%	HNX
446	WCS	40%	HNX

**QUY ĐỊNH VỀ GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Ngày áp dụng: Từ 03/11/2017

STT	Chỉ tiêu	Quy định tại HFT
<b>Khoản vay và lãi suất</b>		
1	Thời hạn khoản vay	Tối đa 90 ngày
2	Gia hạn khoản vay	Tối đa 01 lần
3	Lãi suất cho vay	9%/năm hay 0.025%/ngày
<b>Tài sản đảm bảo</b>		
4	Danh mục tài sản đảm bảo	Tiền mặt, Tiền bán chờ về
		Chứng khoán ký quỹ trên tài khoản và chờ về
5	Giá trị định giá quyền, cổ tức, cổ phiếu thường	Bằng 0
<b>Các tỷ lệ quản trị rủi ro</b>		
6	Tỷ lệ ký quỹ ban đầu	Tối thiểu 50%
7	Tỷ lệ ký quỹ duy trì	40%
8	Tỷ lệ cảnh báo	35%
9	Tỷ lệ giải chấp	30%
<b>Rút tiền trên tài khoản ký quỹ</b>		
10	Tỷ lệ ký quỹ khi rút tiền	Đảm bảo tỷ lệ ký quỹ ban đầu

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN  
**HFT**  
Đ. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI

**Hoàng Như Hải**